

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nước mắm Ngọc Trang Seafood tại Cảng cá Cà Ná mở rộng, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nước mắm Ngọc Trang Seafood họp ngày 25 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nước mắm Ngọc Trang Seafood (đã được chỉnh sửa, bổ sung) kèm theo Văn bản số 09/CV-NTSF ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2635/TTr-STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến nước mắm Ngọc Trang Seafood (*sau đây gọi là Dự án*) của Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood thực hiện tại Cảng cá Cà Ná mở rộng, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood có trách nhiệm: Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng; Trưởng Ban Quản lý khai thác các cảng cá; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam; Giám đốc Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- Chủ dự án (3b);
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM NGỌC TRANG SEAFOOD TẠI CẢNG CÁ CÀ NÁ MỞ RỘNG, XÃ CÀ NÁ, HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN CỦA CÔNG TY TNHH NGỌC TRANG SEAFOOD

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung về dự án:

- Tên Dự án: Dự án Nhà máy chế biến nước mắm Ngọc Trang Seafood.
- Chủ Dự án: Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood.
- Địa điểm thực hiện: Cảng cá Cà Ná mở rộng, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Quy mô, công suất của Dự án:

a) Diện tích sử dụng đất: 8.199 m², trong đó: khu vực muối mắm có diện tích 5.775,36 m² và các công trình phụ trợ khác với diện tích 2.423,64 m².

b) Công suất: 09 triệu lít nước mắm thành phẩm/năm (tương đương 10.800 tấn nước mắm thành phẩm/năm).

1.3. Các hạng mục, công trình của Dự án: khu vực muối mắm và các hạng mục công trình phụ trợ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu; mùi hôi phát sinh từ hoạt động phá bã; nước thải, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ quá trình chế biến nước mắm.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Phát sinh khoảng 5,36 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, amoni, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: Phát sinh khoảng 15,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, COD, BOD₅, tổng Nitơ, amoni, Coliform,...

2.3. Quy mô, tính chất của mùi, bụi, khí thải:

Bụi, khí thải (SO₂, NO₂, CO) phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ, mùi hôi phát sinh từ hoạt động phá bã xác mắm.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: Lượng thải khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn dư thừa.

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: các bao bì chứa muối, thùng chứa mắm thành phẩm bị hư hỏng khoảng 24 kg/tháng, xác mắm khoảng 29 tấn/tháng, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sơ bộ khoảng 15 kg/tháng, vải lọc khoảng 09 kg/tháng.

b. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 4,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, pin phế thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Xử lý bằng 02 bể tự hoại với dung tích 05 m³/bể, sau đó thoát vào hệ thống xử lý thải tập trung của Cảng cá Cà Ná mở rộng để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất: Được xử lý sơ bộ theo quy trình như sau: Nước thải sản xuất → bể gom (dung tích 3 m³) → lưới chắn rác → bể lắng (dung tích 4,5 m³) → bể thu nước thải sau lắng (dung tích 2 m³), sau đó thoát vào hệ thống xử lý thải tập trung của Cảng cá Cà Ná mở rộng để tiếp tục xử lý.

3.2. Về giảm thiểu mùi, bụi, khí thải:

- Bố trí thời gian vận chuyển của các phương tiện hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng các loại phương tiện vận chuyển để giảm thiểu lượng khí thải.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án với diện tích khoảng 820 m².

- Các hồ muối mắm và hồ chứa nước mắm thành phẩm được đậy kín bằng các tấm nhựa; lắp đặt 08 quạt hút trong khu vực ủ mắm để giảm thiểu mùi hôi.

- Thời gian lưu chứa xác mắm tại nhà máy không quá 3 ngày; xác mắm phải được cho vào các bao HDPE hai lớp, bịt kín miệng bao trước khi vận chuyển đi tiêu thụ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng rác dung tích 60 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao rác thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất: Bao bì chứa muối, thùng chứa nước mắm thành phẩm bị hư hỏng được thu gom, lưu chứa trong kho chứa chất thải thông thường diện tích 10 m² và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu; bùn thải, vải lọc được thu gom và chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; xác mắm bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua, tiêu thụ xác mắm.

b. Chất thải nguy hại:

Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 15 m² để chứa chất thải nguy hại phát sinh của Dự án trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 02 bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt dung tích 05 m³/bể;
- 01 hệ thống bể xử lý sơ bộ nước thải sản xuất;
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m²;
- 01 kho lưu chứa chất thải thông thường diện tích 10 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát môi trường không khí giai đoạn thi công:

- Vị trí giám sát: Tại ranh giới khu vực Dự án đầu và cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂ và tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom về hệ thống xử lý tập trung của Cảng cá Cà Ná mở rộng để xử lý, không thải ra nguồn tiếp nhận nên không giám sát nước thải của Dự án.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom và đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của Cảng cá Cà Ná mở rộng để xử lý.

- Toàn bộ xác mắm phát sinh phải lưu giữ trong hồ ủ mắm và thu gom vào bao HDPE hai lớp, bịt kín miệng bao trước khi vận chuyển đi tiêu thụ.

- Toàn bộ chất thải thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành của Dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường

để kiểm tra, giám sát; đồng thời, đảm bảo kinh phí để thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời./.